

# Yếu Chỉ Trung Quán Luận



HT. Duy Lực

---o0o---

*Nguồn*

*<http://www.thuvienhoasen.org>*

*Chuyển sang ebook 19-7-2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

## Mục Lục

Lời Nói Đầu

Phẩm Thứ Nhất : Phá Nhân Duyên

Phẩm Thứ Nhì : Phá Khứ Lai

Phẩm Thứ Ba : Phá Lục Tình

Phẩm Thứ Tư : Phá Ngũ Âm (Ngũ Uẩn)

Phẩm Thứ Năm : Phá Lục Chủng (Sáu Thứ)

Phẩm Thứ Sáu : Phá Nhiễm Và Kẻ Nhiễm

Phẩm Thứ Bảy : Quán Tam Tướng (Sanh, Trụ, Diệt)

Phẩm Thứ Tám : Quán Phá "Pháp Tác" Và "Kẻ Tác" (pháp làm và kẻ làm)

Phẩm Thứ Chín : Phá Bản Trụ (bản lai vốn đã có)

Phẩm Thứ Mười : Phá "Đốt" Và "Sở Đốt"

Phẩm Thứ Mười Một : Phá Bản Tế (thực tế bản lai vốn sẵn)

Phẩm Thứ Mười Hai : Phá Khổ

Phẩm Thứ Mười Ba : Phá "Hành"

Phẩm Thứ Mười Bốn : Phá "Hợp"

Phẩm Thứ Mười Lăm : Phá Hữu Vô

Phẩm Thứ Mười Sáu : Quán Trói Mở

Phẩm Thứ Mười Bảy : Quán Nghiệp

Phẩm Thứ Mười Tám : Quán "Pháp"

Phẩm Thứ Mười Chín : Quán "Thời"

Phẩm Thứ Hai Mươi : Quán Nhân Quả

Phẩm Thứ Hai Mươi Một : Quán Thành Hoại

Phẩm Thứ Hai Mươi Hai : Quán Như Lai

Phẩm Thứ Hai Mươi Ba : Quán "Điên Đảo"

Phẩm Thứ Hai Mươi Bốn : Quán Tứ Đế  
Phẩm Thứ Hai Mươi Lăm : Quán Niết Bàn  
Phẩm Thứ Hai Mươi Sáu : Quán Thập Nhị Nhân Duyên  
Phẩm Thứ Hai Mươi Bảy : Quán Tà Kiến  
Lời Kết

---o0o---

### Lời Nói Đầu

Có người hỏi: "Phật pháp có thể chia nhiều tông, tại sao không thể chia nhiều phái?" Nên biết Phật pháp là để hiển bày bản thể tự tánh bất nhị của Diệu giác nên chẳng thể chia. Có thể chia là giáo pháp (chẳng phải Phật pháp). Chư Phật chư Tổ, vì muốn thích ứng căn cơ trình độ của mọi chúng sanh, nên vì khế hợp đương cơ mà chia nhiều tông, tức là trên phù hợp ý Phật (Phật pháp chẳng thể chia), dưới khế hợp đương cơ (giáo pháp có thể chia) là vậy.

Giáo pháp thích hợp với người phương Đông được chia làm năm hệ: Thiên, Giáo, Luật, Tịnh, và Mật. Thiên, Luật, Tịnh, Mật, mỗi hệ có một tông. Giáo môn lại chia thành bốn tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận và Duy Thức, cộng chung là tám tông đại thừa.

Luận này, vì muốn phá chấp nhị biên tương đối, nên phương tiện thiết lập Trung Quán. Nguồn gốc của nhị biên là "hữu" và "vô". "Hữu" bao gồm hữu vi pháp, "vô" bao gồm vô vi pháp. Nhị biên đã phá thì "Trung" không có chỗ để an lập. Như thế, đâu có học thuyết cao siêu để cho nghiên cứu mà dựng lập học phái Trung Quán!

Lục Tổ nói thuyết pháp chẳng lìa tự tánh, tự tánh là bất nhị. Kinh Đại Thừa liễu nghĩa do Phật thuyết đều là bất nhị. Chư Tổ căn cứ theo kinh liễu nghĩa lập luận sơ giải cũng là bất nhị. Bất nhị thì chẳng có tương đối, chẳng có tương đối thì chẳng thể dùng bộ não suy nghĩ, chẳng thể dùng lời nói văn tự diễn đạt, cho nên Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: lìa "tướng tâm duyên", lìa "tướng danh tự" v.v...

Nên biết, những phương tiện do chư Phật chư Tổ thiết lập chỉ muốn khiến chúng sanh ngay đó khai ngộ, chứ chẳng phải muốn chúng sanh nghiên cứu

tìm hiểu lý đạo. Do đó chẳng thể xem như một học thuyết để nghiên cứu mà chia ra nhiều học phái.

Trung Quán Luận gồm 27 phẩm, mặc dù có quán có phá, kỳ thực quán cũng là phá. Bất cứ hữu vi pháp, vô vi pháp, tất cả đều phá. Như các phẩm Quán Như Lai, Quán Niết Bàn là thuộc về phá pháp vô vi, những phẩm Quán Nhân Duyên, Quán Khứ Lai thuộc về phá pháp hữu vi. Hữu vô tất cả pháp đều phá. Phẩm có nhị biên tương đối đều phá hết.

Chư Phật chư Tổ dùng pháp phá làm phương tiện để phá sự chấp trước của chúng sanh. Chúng sanh có cái sở chấp nào, thì phá cái sở chấp nấy. Nếu chúng sanh chẳng có chấp trước, thì pháp phá cũng thành dư thừa. Nay chúng tôi biên tập yếu chỉ Trung Quán Luận này, chỉ ở trong mỗi phẩm rút ra vài bài kệ chủ yếu, để sáng tỏ yếu chỉ về pháp phá của tác giả mà thôi.

Thích Duy Lực

---o0o---

### **Phẩm Thứ Nhất : Phá Nhân Duyên**

Phẩm thứ nhất là phá tất cả pháp, bởi vì tất cả pháp đều từ nhân duyên mà sanh.

Bất sanh cũng bất diệt  
Bất thường cũng bất đoạn  
Bất nhất cũng bất dị  
Bất lai cũng bất xuất  
Thường nói là nhân duyên  
Khéo diệt các hý luận  
Tôi kính đảnh lễ Phật  
Trong các thuyết đệ nhất

Các pháp chẳng tự sanh  
Cũng chẳng từ tha sanh  
Chẳng cộng, chẳng vô nhân  
(không nguyên nhân mà có)  
Cho nên biết vô sanh

Giải thích. Các pháp từ nhân duyên mà sanh, duyên sanh thì chẳng có tự tánh (duyên hợp mới có, duyên lìa thì không) tức là nghĩa vô sanh vậy. Các

pháp 27 phẩm trong luận này đều là nhân duyên tương đối, nên đều có thể dùng bài kệ thứ hai để phá trừ. Các pháp *từ nhân duyên sanh* thì chẳng phải *tự sanh* (các pháp chẳng tự sanh). *Tha* cũng có tự thể của nó, nên *Tha* cũng đồng như *Tự* (cũng chẳng từ *tha* sanh). Vậy *Tự* với *Tha* đều chẳng thể thành lập, thì lấy gì để cộng. Lại pháp đã từ nhân duyên sanh thì chẳng phải vô nhân (chẳng cộng, chẳng vô nhân), cho nên biết tất cả pháp đều vô sanh. Người chứng ngộ tức là ngộ cái pháp "vô sanh" này vậy.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Nhì : Phá Khứ Lai**

Đã đi chẳng có đi  
Chưa đi cũng chẳng đi  
Lìa đã đi, chưa đi  
Đang đi cũng chẳng đi

Giải thích. "Đang đi cũng chẳng đi": Lối giải thích trong nguyên văn của luận dùng "kẻ đi" với "pháp đi" rất khó hiểu. Nay dùng máy quay video để thí dụ thì dễ hiểu hơn. Ví như kẻ đi bước 10 bước, máy quay phim quay 100 tấm hình, khi phóng ảnh ra, coi cũng như lúc đang đi, nhưng xét kỹ trong 100 tấm hình, thì chẳng một tấm hình nào có đi. Như thế thì chứng minh "đang đi" cũng "chẳng đi". Cũng là nghĩa sát na (1 giây = 60 sát na) vô trụ vậy.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Ba : Phá Lục Tình**

Ghi chú. Lục tình: Lục thức đối với lục căn, lục trần, sanh khởi tình chấp, nên gọi là lục tình (có cảm tình chấp đó là thực)

Nhãn nhĩ và tỷ thiệt  
Cùng thân ý lục tình  
Nhãn nhĩ ... lục tình này  
Hành sắc thanh ... lục trần

Kiến chẳng thể có kiến  
Phi kiến cũng chẳng kiến  
Nếu đã phá nơi kiến  
Tức là phá người kiến

Lìa "kiến", chẳng lìa "kiến"  
Người kiến chẳng thể đắc  
Vì chẳng có người kiến  
Đâu có kiến để kiến

Giải thích. Kinh Lăng Nghiêm nói: Lúc thấy sáng, kiến tinh (tánh thấy) chẳng phải là sáng; lúc thấy tối, kiến tinh chẳng phải là tối; lúc thấy thông, kiến tinh chẳng phải là thông; lúc thấy nghẽn, kiến tinh chẳng phải là nghẽn. Bốn nghĩa trên chứng tỏ kiến tinh chẳng theo cảnh trần sanh diệt. Người còn nên biết "kiến kiến chi thời" (lúc cái bản kiến tự hiện), "kiến phi thị kiến" (kiến chẳng phải là kiến), "kiến do ly kiến" (kiến còn phải lìa kiến), "kiến bất năng cập" (vì kiến chẳng thể thấy được kiến).

Theo cái nhìn của Thiền Tông

Ấy là Thế Tôn hiển bày đệ nhất nghĩa đế, cũng là diệu bồ đề đạo vậy. Kiến và kiến duyên gồm có năm nghĩa: Sáng, tối, thông, nghẽn (trần) là bốn thứ kiến duyên (sở kiến), còn kiến tinh là một thứ kiến vọng (năng kiến). Thế Tôn ở đây phân biệt năng kiến (kiến tinh) và kiến duyên (tướng sáng, tối, thông, nghẽn). Bản thể của diệu giác gọi là chơn kiến, dụ như đệ nhất nguyệt, thường chiếu rõ kiến tinh, mà kiến tinh (đệ nhị nguyệt) thì chẳng thể thấy được chơn kiến. Nên cho kiến tinh là vọng (do dụi mắt sở hiện tức là vọng). Cái kiến tinh của năng kiến đã là vọng, thì sắc tướng do kiến tinh thấy được dĩ nhiên cũng là vọng. Năng sở đều vọng, thì chẳng có "kẻ năng kiến" và sắc tướng của "sở kiến". Theo đó suy luận thì biết những cảnh trần do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cảm nhận được cũng như thế. Nên Kinh Bảo Tích nói: "Pháp thân" chẳng thể dùng *kiến văn giác tri* để cầu; chẳng phải sở kiến của nhục nhãn, vì vô sắc; chẳng phải sở kiến của thiên nhãn, vì vô vọng; chẳng phải sở kiến của huệ nhãn, vì lìa tướng; chẳng phải sở kiến của pháp nhãn, vì lìa "chư hành" (vô thường); chẳng phải sở kiến của Phật nhãn, vì lìa "chư thức". Nếu chẳng cho là có những cái thấy kể trên thì gọi là tri kiến Phật (tức là diệu giác).

Công án Thiền Tông (chứng minh những điều trên)

Tăng Văn Thùy ở chùa Báo Từ có nghiên cứu Kinh Thủ Lăng Nghiêm, gặp thiền sư Pháp Nhãn, trình sở học của mình, cho là phù hợp ý chỉ trong kinh.

Nhãn hỏi: Lăng Nghiêm há chẳng phải có nghĩa bát hoàn ư? (tám thứ trả về nguồn gốc)

Thùy đáp: Phải.

Hỏi: Sáng hoàn cái gì?

Đáp: Sáng hoàn nhật luân (mặt trời)

Hỏi: Nhật hoàn cái gì?

Văn Thùy ngỡ ngác, chẳng thể trả lời. Từ đó khâm phục thỉnh pháp. Như thế có thể biết "chủ trong chủ" thực chẳng phải ghi chú, giải thích có thể đến được.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Tư : Phá Ngũ Âm (Ngũ Uẩn)**

Nếu lia nơi "sắc nhân" (nhân của sắc tướng)

"Sắc" thì bất khả đắc

Nếu phải lia nơi sắc

Sắc nhân chẳng thể lia

Nếu lia sắc có nhân

Thì có nhân không quả

Nếu có nhân không quả

Thì chẳng có chỗ đứng

Giải thích. Vũ trụ vạn vật đều chẳng thể truy cứu nhân đầu tiên, nên Phật nói là vô thi (chẳng có bắt đầu) cũng là nghĩa "vô sanh" (trong phẩm Nhân Duyên đã phá). Sắc âm phá như thế, thì thọ, tưởng, hành, thức, bốn âm kia cũng phá như sắc âm.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Năm : Phá Lục Chủng (Sáu Thứ)**

Ghi chú. Địa Thủy Hỏa Phong tứ đại, thêm Không đại và Kiến đại, cộng chung là lục chủng.

Lúc "tướng không" chưa có

Thì chẳng pháp "hư không"

Nếu hư không có trước

Thì hư không "vô tướng"

Vì tướng đã chẳng có

Sở tướng cũng chẳng có  
Nếu sở tướng chẳng có  
Thì tướng cũng chẳng có  
Cho nên biết hư không  
Phi hữu cũng phi vô  
Phi tướng phi sở tướng  
Năm thứ kia cũng thế

Giải thích. Nếu trước đã "vô tướng" thì sau cũng phải vô tướng. Nếu có *tướng*, thì tại sao chẳng có *sở tướng* (chẳng có tướng sở hữu của hư không). "Sở tướng" chẳng có, thì "tướng" đương nhiên cũng chẳng có (chẳng có tướng mạo của hư không). Địa, thủy, hỏa, phong, kiến, năm thứ "đại" cũng đồng như hư không, chẳng thể thành lập.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Sáu : Pháp Nhiễm Và Kẻ Nhiễm**

Nếu lìa nơi pháp nhiễm  
Trước tự có kẻ nhiễm  
Thì kẻ bị nhiễm này  
Phải sanh ra pháp nhiễm  
Nếu chẳng có pháp nhiễm  
Tại sao phải có nhiễm  
Có nhiễm hoặc chẳng nhiễm  
Kẻ nhiễm cũng như thế

Giải thích. Lục trần thuộc về pháp nhiễm. Chúng sanh ham thích lục trần thuộc về kẻ nhiễm. Nếu cho rằng lìa pháp nhiễm mà kẻ nhiễm có trước, thì quả thuyết này chẳng thể lập. Nếu chúng sanh chẳng ham thích lục trần, thì chẳng thành kẻ nhiễm. Nếu chẳng có kẻ nhiễm, thì làm sao có pháp nhiễm? Nếu pháp nhiễm với kẻ nhiễm cùng một lúc, thì chẳng có nhân duyên tương đối, tức là chẳng vì kẻ nhiễm mà có pháp nhiễm, cũng chẳng vì pháp nhiễm mà có kẻ nhiễm. Thế thì hai thứ "kẻ nhiễm" và "pháp nhiễm" phải là "thường" (không đoạn). Nếu thế thì chúng sanh vĩnh viễn chẳng có ngày giải thoát. Nhưng sự thực thì đời đời đều có chúng sanh giải thoát.

---o0o---

## **Phẩm Thứ Bảy : Quán Tam Tướng (Sanh, Trụ, Diệt)**

Nếu sanh là hữu vi  
Thì phải có tam tướng  
Nếu sanh là vô vi  
Đâu có tướng hữu vi  
Tam tướng nếu hợp lia  
Chẳng thể có sở tướng  
Tại sao ở một chỗ  
Đồng thời có tam tướng

Giải thích. Sanh, trụ, diệt, ba tướng thuộc về pháp hữu vi. Nếu hợp thì tam pháp trái ngược nhau, chẳng thể cùng ở một lúc, nghĩa là lúc sanh thì chẳng có tướng trụ diệt, lúc trụ thì chẳng có tướng sanh diệt, lúc diệt thì chẳng có tướng sanh trụ. Nếu lia thì chẳng có "sở tướng", tức là sanh chẳng có tướng "sở sanh", trụ chẳng có tướng "sở trụ", diệt chẳng có tướng "sở diệt". Nếu thuộc về pháp vô vi, thì chẳng có tam tướng.

---o0o---

## **Phẩm Thứ Tám : Quán Pháp "Pháp Tác" Và "Kẻ Tác" (pháp làm và kẻ làm)**

Quyết định có kẻ tác  
Chẳng tác, nghiệp "quyết định"  
Quyết định chẳng kẻ tác  
Chẳng tác, chẳng "định nghiệp"  
Quyết định "nghiệp" vô tác  
Nghiệp ấy chẳng kẻ tác  
Nêu kẻ tác chẳng tác  
Kẻ tác cũng chẳng "nghiệp"  
Quyết định có kẻ tác  
Thì phải có nghiệp tác  
Kẻ tác và nghiệp tác  
Tức đọa nơi vô nhân (không có nhân)  
Nếu đọa nơi vô nhân  
Thì vô nhân vô quả  
Vô "tác" vô "kẻ tác"  
Pháp tác thành vô dụng  
Chẳng có những pháp tác (pháp, kẻ, nghiệp)  
Thì chẳng có tội phước



Vì tội phước đã không  
Tội phước báo cũng không  
Nếu chẳng tội phước báo  
Cũng chẳng đại Niết Bàn  
Những việc có sở tác  
Đều "không", chẳng có quả

Giải thích. "Pháp tác" với "kẻ tác" và "nghiệp sở tác". Ba thứ hòa hợp nên có quả báo, ba thứ trên nếu thuộc hữu vi, thì trong hữu vi đã phá. Nếu thuộc vô vi, thì trong vô vi đã phá. Kỳ thực pháp phá của mỗi phẩm đều giống nhau, tức là dùng nghĩa trung đạo để phá nhị biên của tương đối vậy.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Chín : Phá Bản Trụ (bản lai vốn đã có)**

Có người nói:

Các căn nhãn nhĩ tử ...  
Các pháp khổ với vui  
Thực ai có việc này  
Gọi là pháp bản trụ  
Nếu chẳng có bản trụ  
Ai có nhãn nhĩ tử ...  
Do đó nên được biết  
Trước đã có bản trụ

Phá:

Nếu lìa nhãn nhĩ tử ...  
Và khổ vui các pháp  
Bản trụ đã có trước  
Thì làm sao chứng tỏ  
Nếu lìa nhãn nhĩ tử ...  
Mà có pháp bản trụ  
Thì phải lìa bản trụ  
Mà có nhãn nhĩ tử ...  
Do pháp biết có người  
Do người biết có pháp  
Lìa pháp đâu có người  
Lìa người đâu có pháp

Tất cả nhãn nhĩ tử ...  
Thực chẳng có bản trụ  
Nhãn nhĩ tử ... các căn  
Tùy theo tướng phân biệt  
Nhãn nhĩ ... chẳng bản trụ  
Sau này cũng chẳng có  
Vì tam thế chẳng có  
Chẳng "hữu" "vô" phân biệt

Giải thích. Theo sự suy xét kỹ càng về bản trụ nơi nhãn nhĩ các căn, trước đã không có, thì sau cũng phải không có. Nếu tam thế (quá khứ, hiện tại, vị lai) đều không, tức là pháp "vô sanh", thì ở nơi nào mà sanh ra pháp bản trụ?

---o0o---

### **Phẩm Thứ Mười : Phá "Đốt" Và "Sở Đốt"**

Nếu "đốt" là "sở đốt"  
Tác, kẻ tác thành một  
Nếu đốt khác sở đốt  
Lìa sở đốt có đốt

Giải thích. Đốt là lửa, sở đốt là củi, *kẻ tác* là người, *sở tác* là nghiệp. Nếu đốt với sở đốt là một, thì *kẻ tác* với *sở tác* cũng phải là một. Như thợ gốm tác bình, thợ gốm chẳng phải bình, bình chẳng phải thợ gốm, *tác* và *sở tác* chẳng thể thành một. Nếu nói chẳng thể thành một thì phải khác. Nếu khác thì lìa sở đốt mà có đốt (lìa củi mà có lửa). Nhưng thực tế thì chẳng thể được, nên nói khác cũng không được. Thế thì được biết: "đốt" với "sở đốt" đều chẳng thể thành lập.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Mười Một : Phá Bản Tế (thực tế bản lai vốn sẵn)**

Sở thuyết của đại thánh  
Bản tế bất khả đắc  
Sanh tử chẳng bắt đầu  
Cũng chẳng có cuối cùng  
Nếu chẳng có thì chung  
Chính giữa làm sao có  
Cho nên ở trong đó

Trước sau chung cũng không  
(cộng chung cũng chẳng có)  
Giả sử sanh có trước  
Sau mới có già chết  
Không già chết có sanh  
Sanh không có già chết  
Nếu già chết có trước  
Sau mới có kẻ sanh  
Ấy tức là vô nhân  
Không sanh có già chết

Giải thích. Phật nói bản tể đầu tiên của sanh tử bất khả đắc, bởi vì sanh với tử đều chẳng thể có bắt đầu. Chẳng bắt đầu thì chẳng cuối cùng. Nếu sanh có trước rồi mới có già chết, thì chẳng do già chết mà có sanh. Vậy thì già chết với sanh mỗi mỗi tự độc lập. Nếu sanh độc lập, thì chẳng có già chết. Nhưng sự thực thì có sanh phải có chết, sanh với chết chẳng thể lìa nhau. Nếu già chết có trước, sau mới có sự sanh, thì già chết chẳng có nhân, tức là chẳng có sanh mà lại có già chết. Cho nên Bát Nhã Tâm Kinh nói: "Vô lão tử, diệt vô lão tử tận", là đáng tin vậy.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Mười Hai : Phá Khổ**

Tự tác với tha tác  
Cộng tác vô nhân tác  
Thuyết những khổ như thế  
Đều chẳng thể thành khổ  
Trước hữu chẳng thành khổ  
Trước vô chẳng thành khổ  
Định hữu đã chẳng thành  
Định vô cũng chẳng thành  
Cho nên biết các pháp  
Thực tế chẳng có khổ

Giải thích. Lúc đói chẳng được ăn, thì phải chịu cái khổ nhịn đói. Lúc lạnh chẳng được áo mặc, thì phải chịu cái khổ bị lạnh. Người giàu ăn mặc đầy đủ, thì không có cái khổ chịu lạnh đói. Kẻ nghèo, nếu được người bố thí cũng được đủ ăn mặc, cũng khỏi chịu cái khổ đói lạnh. Cái khổ nếu trước đã tự có, thì chẳng vì bị lạnh đói mà lại có khổ lạnh đói (vô lý). Cái khổ nếu trước đã không có, thì đâu thể có khổ. Khổ nếu nhất định có, thì người nào cũng

phải chịu cái khổ lạnh đói (vô lý). Khổ nếu nhất định không có, thì đâu thể có khổ. Những khổ về lão, bệnh, tử, cũng có thể y theo pháp phá kể trên mà suy luận. Nghĩa là tất cả đều chẳng thể thành lập khổ.

Tự tác, tha tác, cộng tác, vô nhân tác đã phá trong phẩm thứ nhất.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Mười Ba :Phá "Hành"**

Hỏi: Như kinh Phật sở thuyết

Hư vọng chấp lấy tướng  
Vì vọng chấp chư hành  
Nên gọi là hư vọng  
Phá: Kẻ hư vọng chấp lấy  
Trong đó lấy cái gì  
Phật thuyết những việc này  
Muốn hiển bày nghĩa không  
Vì các pháp khác nhau  
Biết đều là "vô tánh"  
Tánh vô pháp cũng vô  
Vì tất cả pháp không  
Đại thánh thuyết pháp không  
Vì lia chư kiến chấp  
Nếu lại thấy có không  
Phật chẳng thể giáo hóa

Giải thích. "Hành" là sự hành vi biến hóa. Hành vi biến hóa là sát na sinh diệt, nên Phật nói chư hành vô thường. Vô thường thì chẳng thật, chẳng thật nên hư vọng. Hư vọng thì chẳng thể chấp lấy. Phật nói hư vọng chẳng thể chấp lấy là muốn hiển bày nghĩa *không* vậy. Vì các pháp khác nhau thì mỗi mỗi chẳng có tự tánh. Pháp chẳng tự tánh thì pháp chẳng có, nên nói tất cả pháp *không*. Phật thuyết *pháp không* là dùng để phá 62 thứ kiến chấp và phá phiền não của nghiệp ái vô minh. "Không" là công cụ dùng để phá chấp, nếu trở lại chấp "không" thì người ấy chẳng thể giáo hóa. Như có bệnh mới cần uống thuốc, nếu chấp thuốc thành bệnh, thì chẳng thể trị. Cũng như lửa từ củi ra, dùng nước có thể diệt lửa. Nếu lửa từ nước ra, thì phải dùng cái gì để diệt? "Không" dụ cho nước, có thể dẹp tắt những lửa phiền não. Nếu lại ở nơi "không" mà sanh khởi kiến chấp, hoặc cho là có cái "không", hoặc cho là chẳng có cái "không", vì tranh chấp "hữu" "vô" lại sanh khởi phiền não nữa. Nếu dùng "không" để giáo hóa người này, thì họ nói tôi biết "không" đã

lâu. Nếu là "không" thì chẳng có đạo niết bàn. Như kinh nói: Không, vô tướng, vô tác, nơi ba cửa này được giải thoát. Đây chỉ là ngôn thuyết mà thôi. (Không, vô tướng: thì chẳng thể tu; vô tác: thì không có tu, vậy đâu thể giải thoát)

---o0o---

### **Phẩm Thứ Mười Bốn :Phá "Hợp"**

"Kiến" "sở kiến" "kẻ kiến"  
Ba thứ này khác chỗ  
Ba pháp khác như thế  
Chẳng lúc nào hợp được

Khác biệt nên có hợp  
Ba thứ "kiến" chẳng khác  
Vì tướng khác chẳng thành  
Ba kiến làm sao hợp?

Khác, vì khác có khác  
Khác, là khác chẳng khác  
Nếu từ sở nhân ra  
Pháp chẳng khác với nhân

Trong khác, chẳng tướng khác  
Trong chẳng khác, cũng không  
Vì chẳng có tướng khác  
Cái này chẳng khác kia  
Pháp đồng chẳng tự hợp  
Pháp khác cũng chẳng hợp  
Kẻ hợp với lúc hợp  
Pháp hợp đều chẳng có

Giải thích. "Kiến" là nhãn căn, "sở kiến" là sắc trần, "kẻ kiến" là ta, chỗ của ba thứ khác nhau. Nói khác chỗ là: Nhãn căn ở trong thân, sắc trần ở ngoài thân, còn "tôi" hoặc nói ở trong thân hoặc nói ở khắp nơi, cho nên chẳng thể hợp (hợp chẳng được). Tự thể của các pháp chẳng thể hợp, như ngón tay chẳng thể hợp với ngón tay, mỗi pháp cách biệt ở mỗi nơi, cũng chẳng thể hợp, nên "pháp hợp" bất khả đắc. "Pháp hợp" đã bất khả đắc, thì "kẻ hợp" "lúc hợp" đều bất khả đắc.

---o0o---

## **Phẩm Thứ Mười Lăm : Phá Hữu Vô**

Hữu nếu chẳng thể thành  
Thì vô làm sao thành  
Vì đã có "pháp hữu"  
Hữu hoại gọi là vô  
Nếu người thấy hữu, vô  
Thấy tự tánh, tha tánh  
Như thế thì chẳng thấy  
Phật pháp chân thật nghĩa

Định hữu là chấp thường  
Định vô là chấp đoạn  
Cho nên người có trí  
Chẳng nên chấp hữu, vô

Giải thích. Nếu pháp là thực "hữu", thực hữu thì chẳng thể hoại diệt mà thành vô. Nếu thực "vô", thực vô thì chẳng thể sanh "hữu". Tất cả hiện tượng trong vũ trụ đều là pháp sanh diệt. Sanh diệt thì chẳng thuộc về hữu vô. Nếu chẳng sanh diệt là pháp vô vi, lại chẳng dính líu đến sự hữu vô. Cho nên chấp hữu, chấp vô đều chẳng phải nghĩa chân thật của Phật pháp vậy.

---o0o---

## **Phẩm Thứ Mười Sáu : Quán Trói Mở**

Chư hành có vãng lai  
"Thường" chẳng có vãng lai  
"Vô thường" chẳng vãng lai  
Chúng sanh cũng như thế  
Nếu chúng sanh vãng lai  
Tìm cùng hết năm thứ  
Trong các ám giới nghiệp  
Đâu có ai vãng lai  
(Năm thứ: sanh, tử, âm, giới, nhập cộng năm thứ)  
Nếu từ thân đến thân  
Vãng lai, tức vô thân  
Nếu mà chẳng có thân  
Thì chẳng có vãng lai

"Chư hành" tương sanh diệt  
Chẳng trói cũng chẳng mở  
Chúng sanh như lời trên  
Chẳng trói cũng chẳng mở  
Nếu thân gọi là trói  
Có thân thì chẳng trói  
Vô thân cũng chẳng trói  
Vậy nơi nào có trói

Giải thích: Từ thân hài nhi đến thân tiểu đồng, cho đến thân thanh niên, thân lão niên, đều cùng một thân. Từ một thân đến một thân, tức là kẻ vãng lai vô thân (từ nhỏ tới già chỉ có một thân thì không có thân khác vãng lai). Nếu trước đã có thân thì chẳng nên còn có từ thân đến thân. Nếu trước chẳng có thân, làm sao có sanh tử vãng lai? Nếu thân ngũ ấm gọi là trói, chúng sanh đã có ngũ ấm trước thì chẳng thể trói, vì một người chẳng có hai thân (trước có thân ngũ ấm, sau lại có thân nữa). Nếu chẳng có thân thì chẳng có ngũ ấm. Tại sao mà có trói? Chẳng trói thì chẳng mở, nên trói mở đều chẳng thành lập.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Mười Bảy : Quán Nghiệp**

Người khéo hàng phục tâm (ác tâm)  
Lợi ích cho chúng sanh  
Ấy gọi là thiện nghiệp  
Là chủng tử quả báo  
Đại thánh thuyết hai nghiệp (thiện và ác)  
"Tu" với "từ tu" sanh  
Nghiệp trong tướng khác biệt  
Mỗi mỗi phân biệt thuyết  
(Ghi chú: "tu" là suy nghĩ là ý nghiệp,  
"từ tu" tức là sanh ra thân, khẩu nghiệp)

Nghiệp trụ đến thọ báo  
Nghiệp ấy tức là thường  
Nêu diệt tức vô thường  
Đâu thể sanh quả báo

Giải thích. Nghiệp nếu từ trụ cho đến thọ báo, nghiệp ấy tức là thường

(thường là pháp vô vi). Sự thực thì chẳng phải vậy, vì nghiệp là tướng sanh diệt. Nhất niệm còn chẳng trụ, huống là từ trụ đến quả báo, nếu diệt thì chẳng có nghiệp. Chẳng nghiệp làm sao sanh ra quả báo.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Mười Tám : Quán "Pháp"**

Phật thuyết các pháp từ nhân duyên sanh, thì mỗi mỗi chẳng có tự tánh, tức là vô ngã.

Nếu ngã là ngũ ấm  
Ngã tức là sanh diệt  
Nếu ngã khác ngũ ấm  
Chẳng phải tướng ngũ ấm  
Nếu là chẳng có ngã  
Làm sao có ngã sở  
Vì diệt "ngã" "ngã sở"  
Được gọi "vô ngã trí"  
Người đắc vô ngã trí  
Ấy gọi là thực quán

Giải thích. Thực quán thì được sáng tỏ "tất cả các pháp vô sanh".

---o0o---

### **Phẩm Thứ Mười Chín : Quán "Thời"**

Nếu do thời quá khứ  
Có vị lai, hiện tại  
Thì vị lai, hiện tại  
Phải ở thời quá khứ  
Nếu trong thời quá khứ  
Chẳng vị lai, hiện tại  
Sao nói do quá khứ

Chẳng do thời quá khứ  
Thì chẳng thời vị lai  
Cũng chẳng thời hiện tại  
Cho nên chẳng tam thời



Giải thích. Bởi vì có quá khứ mới biết có vị lai; do quá khứ, vị lai mới biết có hiện tại. Nếu thời gian đã quá khứ thì chẳng hiện tại, hiện tại chẳng có, vị lai cũng chẳng có. Cho nên tam thời đều không có. Cũng như sát na vô trụ, thì chẳng có hiện tại, quá khứ, vị lai vậy.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Hai Mươi : Quán Nhân Quả**

Nếu chúng duyên hòa hợp  
Mà có cái "quả" sanh  
Trong hòa hợp đã có  
Đâu cần hòa hợp sanh  
Nếu chúng duyên hòa hợp  
Trong đó chẳng có quả  
Tại sao từ chúng duyên  
Hòa hợp mà sanh quả

Nếu chúng duyên hòa hợp  
Mà lại có quả sanh  
Năng sanh với sở sanh  
Thì phải cùng một thời

Nếu trong nhân vô quả  
Nhân đâu thể sanh quả  
Nếu trong nhân có quả  
Sao lại còn sanh quả

Giải thích. Trong nhân vô quả, thì chẳng thể sanh quả. Trong nhân đã có quả, cũng chẳng thể có thêm quả nữa. Tại sao? Cũng như người chẳng có thai thì làm sao sanh con? Nếu đã có thai trước, thì đâu thể còn có thai thêm mà sanh con nữa.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Hai Mươi Một : Quán Thành Hoại**

Pháp nếu lìa nơi thành  
Làm sao mà có hoại  
Nếu pháp lìa nơi hoại  
Thì làm sao có thành

Thành, hoại cùng một thời  
Làm sao có thành, hoại

Giải thích. Sinh tức là "thành", chết tức là "hoại". Nếu chia ra thì mỗi mỗi độc lập. Nghĩa là sinh chẳng có chết và chẳng cần sinh mà có sự chết. Nếu sinh tử hợp một, thì sinh với tử đồng thời (vô lý). Do đó, thành với hoại đều chẳng thể thành lập.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Hai Mươi Hai : Quán Như Lai**

Phi âm phi lia âm  
Thử bi chẳng tướng tại  
(này kia chẳng có tướng tồn tại)  
Như Lai chẳng có âm  
Nơi nào có Như Lai  
Âm hợp có Như Lai  
Thì chẳng có tự tánh  
Nếu chẳng có tự tánh  
Do đâu lập sự có

Nếu chẳng có tự tánh  
Tại sao có tha tánh  
Lìa tự tánh tha tánh  
Gọi gì là Như Lai

Người tà kiến thâm sâu  
Thì nói chẳng Như Lai  
Tướng Như Lai tịch diệt  
Sao phân biệt hữu vô

Giải thích. Như Lai tức là giống như bản lai, bản lai thì vô thi vô sanh, vô sanh thì chẳng thể sanh "hữu", cũng chẳng thể sanh "vô", nên có Như Lai hay không có Như Lai đều sai. Chẳng thể kiến lập nghĩa Như Lai.

---o0o---

## **Phẩm Thứ Hai Mươi Ba : Quán "Điên Đảo"**

Hỏi: Từ tướng nhớ phân biệt  
Sanh khởi tham, sân, si  
Tịnh, bất tịnh, điên đảo  
Đều từ chúng duyên sanh

Phá: Nếu nhân tịnh, bất tịnh  
Điên đảo sanh tam độc  
Tam độc tức vô tánh  
Nên phiền não chẳng thật

Chẳng do nơi tướng tịnh  
Thì chẳng có bất tịnh  
Do tịnh có bất tịnh  
Cho nên chẳng bất tịnh  
Chẳng do nơi bất tịnh  
Thì cũng chẳng có tịnh  
Do bất tịnh có tịnh  
Cho nên chẳng có tịnh

Giải thích. Nếu phiền não do tịnh, bất tịnh, điên đảo tướng nhớ phân biệt mà sanh, tức chẳng có tự tánh (do nhân duyên của tướng nhớ phân biệt mới sanh, chẳng phải tự sanh, chẳng tự sanh thì chẳng có tự tánh). Cho nên phiền não chẳng thật. Phiền não đã chẳng thật, thì cái nhân điên đảo cũng phải chẳng thật.

---o0o---

## **Phẩm Thứ Hai Mươi Bốn : Quán Tứ Đế**

Nếu tất cả "bất không" (khổ, tập, diệt, đạo, nếu mỗi mỗi có tự tánh, tức là bất không)  
Thì chẳng có sanh diệt  
Như thế thì chẳng có  
Pháp của Tứ Thánh Đế

Nếu "khổ" có định tánh (tánh nhất định)  
Sao lại từ "tập" sanh

Khổ nếu có định tánh  
Cũng chẳng nên có "diệt"

Khổ nếu có định tánh  
Thì chẳng có tu "đạo"  
Nếu "đạo" tu tập được  
Thì chẳng có định tánh

Giải thích. Định và bất định đều chẳng thể thành lập, nên pháp Tứ Thánh Đế cũng chẳng thể thành lập.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Hai Mươi Lăm : Quán Niết Bàn**

Nếu các pháp chẳng không  
Thì vô sanh vô diệt (vô Niết Bàn)  
Nếu Niết Bàn là có  
Niết Bàn thuộc hữu vi  
"Hữu" còn chẳng Niết Bàn  
Huống là nơi "vô" ư

Giải thích. Tất cả pháp, tất cả thời, tất cả chủng tử đều do nhân duyên sanh, nên cứu cánh không. Trong cứu cánh không, tự tánh tất cả pháp đều bất khả đắc. Do đó, các pháp có sở hữu đều ngưng, hý luận đều diệt. Hý luận diệt, nên thông đạt "thực tướng vô tướng" của các pháp.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Hai Mươi Sáu : Quán Thập Nhị Nhân Duyên**

Chúng sanh, si che lấp (vô minh)  
Rồi mới khởi "tâm hành"  
(quá khứ, hiện tại, vị lai)  
Vì từ "hành" duyên khởi  
Tùy "hành" vào lục đạo  
Do nhân duyên chư "hành"  
"Thức" thọ "thân lục đạo"  
Vì có chấp lấy thức  
Tăng trưởng nơi "danh sắc"

Vì "danh sắc" tăng trưởng  
Do đó sanh "lục nhập"

Giải thích. Vì có đại khổ ám tụ tập, nên phàm phu vô trí, mà sanh khởi cái căn bản chur hành của sanh tử này, người trí thì chẳng có khởi. Do sự thấy như thực, thì vô minh diệt, vì vô minh diệt, thì chur hành cũng diệt, vì nhân diệt nên quả cũng diệt. Tu tập cái trí quán thập nhị nhân duyên sanh diệt như thế, nên cái sự ấy diệt. Vì sự ấy diệt, cho đến sanh, lão, tử, ưu bi (ưu sầu, bi thảm), đại khổ ám đều như thực diệt hết. Nếu pháp có thể diệt, thì chẳng phải pháp thật, pháp thật thì chẳng có sanh diệt.

---o0o---

### **Phẩm Thứ Hai Mười Bảy : Quán Tà Kiến**

Như trong đời quá khứ  
"Hữu ngã" "vô ngã" "kiến"  
Hoặc cộng hoặc bất cộng  
Việc ấy đều chẳng phải

Ngã nơi đời vị lai  
Hoặc tác hoặc bất tác  
Người có kiến như thế  
Đều đồng đời quá khứ  
Nếu trời tức là người  
Thì đọa vào bên "thường"  
Nếu trời khác với người  
Thì chẳng có tương tục  
Nếu nửa trời nửa người  
Thì đọa nơi nhị biên

Pháp nếu định có "lai"  
Và nhất định có "khứ"  
Thì sanh tử "hữu thi"  
Thực thì chẳng việc này

Nếu thế gian "hữu biên"  
Làm sao có "hậu thế"  
Nếu thế gian "vô biên"  
Làm sao có "hậu thế"  
Ngũ âm thường tương tục

Cũng như ngọn tim đèn  
Do đó nên thể gian  
Chẳng "hữu biên" "vô biên"

Vì nhất thiết pháp không  
Những kiến chấp thể gian  
Ở nơi nào lúc nào  
Ai khởi những kiến chấp  
(hữu, vô, thường, biên v.v...)  
Đức Phật Đại thánh chủ  
Thương xót (chúng sanh) thuyết pháp này  
Đoạn tất cả kiến chấp  
Nay tôi đánh lễ Phật

Giải thích. Lục đạo luân hồi là hiện tượng trong chiêm bao, dù có mà chẳng thật, nên người nào có chấp thật đều thuộc về tà kiến (xin xem thêm trong Yếu Chỉ Phật Pháp bài "Hai thứ chiêm bao do duy thức biến hiện".)

---o0o---

### Lời Kết

Pháp sư Diệu Nhân, ngày 22 tháng 12 năm 1983, khi đọc "Nhập Trung Luận", có bút ký rằng:

Các đại luận sư Ấn Độ như Phật Hộ, Thanh Biện, Nguyệt Xung, Tịnh Mạng, đều kế thừa học thuyết Trung Quán của Long Thọ. Nhưng vì quan điểm chẳng đồng trong vấn đề *cho với chẳng cho "có ngoại cảnh"* mà sanh ra học phái chẳng đồng.

Thanh Biện luận sư phá Duy Thức Luận, trong danh ngôn kiến lập tông phái cho "có ngoại cảnh". Phái này gọi là "Kinh Bộ Hạnh Trung Quán Sư".

Tịnh Mạng luận sư thì lập cái thuyết "vô ngoại cảnh". Phái này gọi là "Du Già Hạnh Trung Quán Sư".

Nguyệt Xung luận sư thì cho là "Trung Quán Kiến của Phật Hộ luận sư" thù thắng nhất, mà theo phái Phật Hộ, lại nói đời sau phần nhiều Trung Quán sư đều tùy thuận học thuyết của Phật Hộ với Nguyệt Xung. Còn các phái Tát Ca, phái Ca Cừ và phái Cách Lỗ của Phật giáo Tây Tạng cũng theo "Trung Quán Kiến" của Nguyệt Xung luận sư, đồng thời kiến lập Nhập Trung Luận

Tụng và Giải Thích, cũng cho biết danh hiệu phái ứng Thành và phái Tự Tục của Trung Quán v.v...

Than ơi! Tác giả Trung Luận dùng Trung Quán để phá kiến chấp của nhị biên tương đối. Nếu nhị biên đã phá thì đâu có cái "trung" để an lập, tại sao các đại luận sư Ấn Độ, mỗi mỗi đều có "Trung Quán Kiến" của họ, mà sanh ra nhiều học phái chẳng đồng như danh hiệu bốn phái kể trên. Thậm chí ảnh hưởng Phật giáo Tây Tạng cũng sanh "Trung Quán Kiến". Nếu theo đó suy luận thì Phật giáo các nước khác, cũng có thể bị truyền nhiễm kiến chấp của họ mà chẳng tự biết, khiến chư Phật chư Tổ muốn phá mà hơi sức đâu phá hết!

Trung Luận là vị thuốc để phá trừ kiến chấp nhị biên. Nếu chấp thuốc thành bệnh thì chẳng thể trị, như trong phẩm Phá "Hành" đã ghi rõ vậy. Nếu bút ký của pháp sư Diệu Nhân là thật, thì các đại luận sư kể trên cũng là thuộc về *kẻ chư Phật chẳng thể giáo hóa* ư!

---o0o---

HẾT